

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày 24/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghiệp Hồng

Ông Nguyễn Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Doãn Đại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T; sinh ngày 29/12/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: xã TH, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P (chết) và bà Nguyễn Thanh L; tiền án: Ngày 05/3/2013 TAND Quận 10 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (bản án số 27/2013/HSST ngày 05/3/2013), tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 09/12/2009, TAND Quận 5 xử phạt 09 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số 187/2009/HSST ngày 09/12/2009); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/9/2017; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Võ Thị Bé H, sinh năm 1990; địa chỉ: đường T, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: đường P, Phường T, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 06 giờ 40 phút ngày 30/9/2017, Trần Văn T, sinh năm 1992, HKTT: xã TH, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, điều khiển xe máy biển số 51K5-1752 lưu

thông trên đường N thì nhìn thấy bà Võ Thị Bé H đang điều khiển xe mô tô lưu thông cùng chiều phía trước, trên cổ bà H có đeo dây chuyền vàng nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khi đến trước đường N, Phường PS, Quận MM, T điều khiển xe từ sau vượt lên, ép vào bên phải xe của bà H, dùng tay trái giật sợi dây chuyền làm dây chuyền bị đứt nhưng T không lấy được sợi dây chuyền do còn vướng lại trên cổ áo của bà H. Bà H truy hô, T tăng ga xe bỏ chạy rẽ phải vào Hồng Bàng, đến chân cầu vượt Cây Gõ thì va chạm với xe đi đường té ngã nên bị ông Trần Hữu Đ, là người đi đường bắt giữ giao Công an Phường 16, Quận 11 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 110/KLĐGTS ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 11 xác định sợi dây chuyền vàng của bà H trị giá là 570.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn T khai nhận để có tiền tiêu xài, T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt sợi dây chuyền của bà H như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 29 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị cáo Trần Văn T tội danh “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo T có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù; trả lại cho bị cáo một điện di động Sam Sung; tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu xe máy kiểu dáng Dream; tịch thu và tiêu hủy một biển số xe 51K5-1752.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận của bị cáo Trần Văn T phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Vào lúc 06 giờ 40 phút ngày 30/9/2017, tại trước nhà đường N, Phường MS, Quận MM, bị cáo T điều khiển xe gắn máy biển số 51K5-1752 chạy từ phía sau vượt lên ép sát bên phải xe của bà Võ Thị Bé H. Bị cáo dùng tay trái công khai, bất ngờ giật sợi dây chuyền vàng giá trị là 570.000 đồng của bà Võ Thị Bé H, rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Bị cáo bằng thủ đoạn công khai, nhanh chóng, bất ngờ chiếm đoạt tài sản của người khác rồi tẩu thoát. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 136 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, theo quy định của pháp luật thì hành vi dùng mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản là tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã có tiền án về tội rất nghiêm trọng T chưa được xóa án tích nay lại phạm tội rất nghiêm trọng T do cố ý. Do đó, hành vi

vi phạm pháp luật của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” và “dùng thủ đoạn nguy hiểm” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi, lười lao động bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo dùng phương tiện mô tô, xe máy cướp giật tài sản của người đi đường không chỉ làm mất an ninh, trật tự công cộng, gây thiệt hại về tài sản mà còn có thể gây ra tai nạn cho người bị hại, những người tham gia giao thông. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Một sợi dây chuyền vàng 18K, T lượng 2 phân 7, Cơ quan Công an đã trả lại cho người bị hại là bà Võ Thị Bé H, bà H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Một xe máy kiểu dáng Dream, gắn biển số: 51K5-1752, số máy: VTTJL1R50FM006121, số khung: VTTDCG053TT006121. Qua xác minh được biết biển số và số khung, số máy không trùng khớp. Biển số 51K5-1752 được cấp cho xe máy hiện Kinen, màu đen, số máy: 00003013-M, số khung: 00003013-B do ông Vương Cẩm P đứng tên chủ sở hữu (hiện ông P đã chuyển địa phương không rõ nơi cư ngụ nên Cơ quan điều tra không làm việc được). Riêng số máy: VTTJL1R50FM006121, số khung: VTTDCG053TT006121 không có trong dữ liệu quản lý xe máy của Cảnh sát giao thông. Bị cáo T khai nhận, xe máy biển số: 51K5-1752 do một người bạn tên Nguyễn Thị N (không rõ lai lịch, quê ở Cà Mau), cho bị cáo mượn để sử dụng. Bị cáo không rõ nơi ở của N nên chưa trả lại và sử dụng xe máy này đi cướp giật. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu của xe máy có số máy: VTTJL1R50FM006121, số khung: VTTDCG053TT006121 nhưng hiện vẫn chưa có kết quả. Do đó, cần thông báo trong thời hạn 12 tháng để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, quá thời hạn trên kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Riêng biển số xe 51K5 – 1752 không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động Samsung màu trắng là tài sản cá nhân của bị cáo Trần Văn T, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Về dân sự: Ngày 08/01/2018, ông Trần Hữu Đ có đơn rút lại yêu cầu bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng tiền sửa xe do bị va chạm khi truy đuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 45; điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2017.

Thông báo trong thời hạn 12 tháng để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận đối với một xe máy kiểu dáng Dream, màu trắng, số máy VTTJL1R50FMG006121, số khung VTTDCG053TT006121; quá thời hạn trên kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

Trả lại cho bị cáo một điện thoại di động Samsung, màu trắng;

Tịch thu và tiêu hủy biên số 51K5-1752;

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 237/LNK ngày 02/10/2017).

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh Loan